

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Vĩnh Hữu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Lệ.

Ông Trần Ngọc Thành.

*Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Bà Hà Ngọc Thư Trúc -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm  
2025 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chu Văn B, sinh năm 1991;

Địa chỉ thường trú: Ấp E, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ liên hệ: P, K, Thành phố H, tỉnh Gifu 501-6232, Nhật Bản.

*Đại diện theo ủy quyền (nhận văn bản tố tụng):*

Đoàn Thị Ái V, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Xóm T, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

*2. Bị đơn:* Nguyễn Thị Thúy V1, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên hệ: Căn hộ S, Tòa nhà C, Khu phố K, Quận B, số nhà D, Thành  
phố Y, Tỉnh Mie, Nhật Bản.

*Đại diện theo ủy quyền (nhận văn bản tố tụng):*

Phạm Thanh T, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Tổ E, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*. Nguyên đơn anh Chu Văn B xin vắng mặt nhưng có văn bản nêu ý kiến:*

Anh và chị Nguyễn Thị Thúy V1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo  
Giấy chứng nhận kết hôn số 118 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền

Giang cấp ngày 21/11/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mối quan hệ hôn nhân ngày càng trầm trọng.

Từ năm 2023 đến hiện tại, anh B và chị V1 đã ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị V1 rất ít liên hệ và quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Anh và chị V1 đã nhiều lần trao đổi với nhau nhằm giải quyết những bất đồng, mâu thuẫn nhưng không thể hòa hợp trong quan điểm và cách sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Văn B xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy V1;

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*\*. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy V1 xin vắng mặt nhưng có văn bản nêu ý kiến:*

Chị Nguyễn Thị Thúy V1 và anh Chu Văn B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/11/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mối quan hệ hôn nhân ngày càng trầm trọng;

Từ năm 2023 đến hiện tại, chị V1 và anh B đã ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh B rất ít liên hệ và quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị và anh B đã nhiều lần trao đổi với nhau nhằm giải quyết những bất đồng, mâu thuẫn nhưng không thể hòa hợp trong quan điểm và cách sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Chu Văn B;

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm,*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Chu Văn B.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn B thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nguyên đơn anh Chu Văn B, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy V1 cư trú tại Nhật Bản; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Chu Văn B, chị Nguyễn Thị Thúy V1 theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh B, chị V1 có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh B, chị V1.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn B về việc được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy V1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do anh Chu Văn B cung cấp thì giữa anh Chu Văn B và chị Nguyễn Thị Thúy V1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/11/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mối quan hệ hôn nhân ngày càng trầm trọng;

Từ năm 2023 đến hiện tại, anh B và chị V1 đã ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị V1 rất ít liên hệ và quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Anh và chị V1 đã nhiều lần trao đổi với nhau nhằm giải quyết những bất đồng, mâu thuẫn nhưng không thể hòa hợp trong quan điểm và cách sống.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình cảm vợ chồng giữa anh Chu Văn B và chị Nguyễn Thị Thúy V1 không còn, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài;

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế sau khi kết hôn, anh B, chị V1 không chung sống với nhau và cũng không liên lạc để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm;

Vì thế Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh B và chị V1 không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Chu Văn B.

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Chu Văn B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 56, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 92, Điều 153, Điều 154, Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chu Văn B;

Anh Chu Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy V1.

2. Về án phí: Anh Chu Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000063 ngày 11/02/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm;

Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án;

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\*. Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh tiền Giang;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**Trương Vĩnh Hữu**